

BIỂU TƯỢNG NHÂN VẬT KỶ ẢO TỪ GÓC NHÌN TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN QUA MỘT SỐ TRUYỆN CỔ CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

Trương Thị Thu Thanh*

Tóm tắt: Tín ngưỡng dân gian là bộ phận văn hóa phi vật thể. Với tư cách là sản phẩm văn hóa, tín ngưỡng dân gian được hình thành trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, xã hội. Khi xã hội ổn định hoặc thay đổi thì tín ngưỡng dân gian cũng biến đổi theo cho phù hợp với tiến trình lịch sử dân tộc nhưng cốt lõi của nó vẫn tồn tại và ảnh hưởng tới các thành tố khác của văn hóa, trong đó có văn học dân gian. Do đó, tín ngưỡng dân gian được xem như chỗ dựa cho sự sáng tạo nghệ thuật và nghệ thuật hóa để trở thành biểu tượng mang ý nghĩa tâm linh và ý nghĩa nhân văn. Từ những nhân vật kỳ ảo trong một số truyện cổ các dân tộc thiểu số Việt Nam đã cho thấy những nét văn hóa đặc sắc về tín ngưỡng dân gian. Niềm tin vào những đấng siêu nhiên: người không lồ, thần biển, ma, quỷ, trời; thể hiện lòng ngưỡng mộ, biết ơn và tôn sùng đối với tự nhiên (mặt trời, mặt trăng, mưa, gió, sấm, chớp...); với vật tổ thiêng liêng (trâu, chim, cây, cá...); với Quốc tổ, thành hoàng, anh hùng dân tộc, anh hùng văn hóa, những người có công với làng, với đất nước...

Từ khóa: Truyện cổ, biểu tượng, nhân vật, kỳ ảo, tín ngưỡng, dân gian, dân tộc thiểu số.

1. Mở đầu

Thuật ngữ biểu tượng được bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp là “Symbolum”, nghĩa là dấu hiệu nhận nhau. Nghĩa gốc của biểu tượng là một vật được chia làm hai nửa, mỗi bên giữ một nửa, khi khớp lại sẽ nhận ra mối quan hệ. Theo tiếng Hán Việt thì *biểu* có nghĩa là dấu hiệu, sự bày ra, sự tỏ rõ, còn *tượng* có nghĩa là tình trạng, hình tượng. Do đó, biểu tượng là một hình tượng nào đó được phô bày ra trong một dấu hiệu

tượng trưng, nhằm diễn đạt một ý nghĩa hay một hiện tượng nào đó trừu tượng. Ở quan niệm khác, tượng là lấy hình này để tỏ ý kia. Biểu tượng là một loại tín hiệu riêng, có chiều sâu và phong phú. Ý nghĩa của biểu tượng luôn thể hiện tính quan niệm và được nhìn nhận trong nhiều hình tượng. Vì vậy, hiểu được ý nghĩa của biểu tượng là có thể hiểu được hệ giá trị văn hóa của một dân tộc nhưng muốn hiểu một biểu tượng nào đó cần nhờ vào những liên hệ, hỗ trợ với những yếu tố trong một trường liên tưởng qua các lớp nghĩa của sự vật hiện

* Trường Đại học Phú Yên

tượng. Tùy theo quan niệm từng cộng đồng dân tộc về muôn vật mà ý nghĩa biểu tượng khác nhau. Ví như chim bồ câu là biểu tượng cho sự hòa bình. Phượng hoàng biểu tượng cho sự cao quý. Chim uyên ương biểu tượng cho tình yêu. Cây bồ đề mang biểu tượng là cây tôn giáo. Cây đa, cây gạo mang biểu tượng là cây thần thiêng. Đá biểu tượng cho sự thâm trầm, kín đáo, là nơi linh thiêng, cao quý, là nơi ở của các thần linh và là biểu tượng cho nơi con người sinh ra hoặc tái sinh. Trong dân ca dân tộc Hmông, lanh biểu trưng cho sức mạnh thần kỳ, là vật giao tiếp trong thế giới siêu nhiên, biểu tượng của người phụ nữ Hmông và biểu tượng cho tình yêu, là tiếng nói tâm hồn tình cảm của người lao động. Còn những nhân vật như: tiên, bụt, thần thánh, ma quỷ, nàng tiên... lại là biểu tượng mang tính hình tượng có chiều sâu và mang nhiều lớp nghĩa. Ở mỗi thời đại, con người lại có quan niệm và lý giải các hình tượng, biểu tượng theo những cách hiểu khác nhau. Nhân vật kỳ ảo như những biểu tượng mang nhiều lớp nghĩa văn hóa. Chính vì vậy để hiểu được những biểu tượng đó con người cần giải mã được văn hóa gốc. Mỗi loại biểu tượng hay mỗi nhân vật chứa đựng một ý nghĩa biểu trưng.

2. Nội dung

Các dân tộc thiểu số Việt Nam có đời sống tâm linh khá đa dạng và phong phú. Nhưng trong bài viết này, chúng tôi chỉ nghiên cứu một số tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số Việt Nam qua biểu tượng nhân vật kỳ ảo trong truyện cổ. Đó là tín ngưỡng thờ trời, thần, tiên, ma, quỷ; tín ngưỡng thờ vật tổ qua các nhân vật totem; tín ngưỡng thờ thành hoàng làng và các anh hùng dân tộc.

2.1. Tín ngưỡng thờ trời, thần, tiên, ma, quỷ

2.1.1. Tín ngưỡng thờ trời, thần, tiên qua những nhân vật mang biểu tượng cho cái đẹp

Trời (còn gọi là Ngọc Hoàng) là biểu tượng luôn gắn với sự thiêng liêng, cao quý. Khổ, đau, buồn, vui con người đều gọi trời. Trong các truyện cổ tích, trời thường gọi là Ngọc Hoàng. Vợ chồng già trong truyện *Nàng Út* khao khát có con mà ăn chay, tụng niệm, cầu trời khấn Phật nên đã động lòng Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng bèn cho một tiên nữ giáng trần, đầu thai làm con của ông bà. Ngọc Hoàng hỗ trợ cho nàng thắng cuộc trong các đợt thách thức với vợ của hai anh trai thái tử. Trời là *yang*, là *then*. Khác với ma, quỷ, trời luôn ở những nơi cao quý, thống lĩnh và cai quản mọi vật. Trời thường mang giới tính nam. *Yang* trong truyện *Y Rít và con lươn* hay *sự tích hang gà thần* cũng là Trời. *Yang* đã “hóa phép khi gió thổi các ngọn tre quay về hướng Đông thì nhà cửa Mtao đầy phân bò, phân lợn. Khi gió thổi về hướng Tây thì nhà cửa Mtao xuất hiện con hổ, con beo” (Ngô Sao Kim 2001: 591). Con của *yang* cũng mang nhiều phép thuật. Chi Hơ Len con của *yang* (truyện *Người cha không thương con* (Trương Huyền Mai, Nguyễn Thị Bạch Cúc, Sử Văn Ngọc, Trương Tôn chủ biên 2012: 35) đã biến thành con chim và mang theo cơm nước bay đến chỗ hai đứa bé đang lo sợ, khóc than. Anh đã cứu hai đứa trẻ bị cha bỏ trên cây cao xuống đất. *Yang* có rất nhiều phép thuật. Con chó bầy đuôi (truyện *Y Rít và con chó bầy đuôi* (Ngô Sao Kim 2001: 609)) được *yang* trợ giúp có khả năng bơi được qua sông mà không ai có thể qua được.

Thần thánh là hình ảnh ngưỡng mộ của người dân. Người dân tin có thần phù hộ

nếu mình thành tâm cúng bái. Người cầu làm ăn phát tài, người cầu khỏe mạnh, người cầu được bình yên. Người đang bị ốm thì cầu thần ban phúc cho nhanh chóng khỏi bệnh. Người mất trâu bò cũng đến cầu thần phù hộ tìm thấy trâu bò. Khi trong tháng có nhiều ngày nắng hạn, dân chúng đến cầu thần tâu lên Ngọc Hoàng ban phúc cho mưa. “Người ta bảo rằng hễ ai có khó khăn gì thì cứ đến thắp hương cầu thần sẽ vượt mọi khó khăn vấp vấp” (Đỗ Ngọc Quý 2016: 106). Nhưng theo tín ngưỡng dân gian, thần cũng rất nghiêm khắc với những ai có tội, trừng phạt những kẻ ương bướng, quỷ quyệt, gian xảo, bất lương. Trong niềm tin của người dân cho rằng thần có quyền ban thưởng, giúp đỡ những người dân lương thiện, có đức độ, có nhân nghĩa. Thần rất mến rất ưa những người đứng đắn, nghiêm minh, cương trực, trung nghĩa. Ở người Tàôi, thần Păngtorô (truyện *Truyện thuyết sông Đăckrông*) đã ra tay cứu giúp người em út, ban cho trâu, voi để đưa gỗ vượt qua mười đến một trăm trái núi cao về làng khi bị anh cả âm mưu cướp vợ.

Thổ thần cũng thuộc thần thánh, là người cai quản đất đai. Thổ thần là vị thần tốt bụng hay giúp đỡ người. Chàng thanh niên trong truyện *Một cuộc thi tài* cũng được Thổ thần cứu nguy. Thổ thần đã giúp anh có được trống Trường An từ nước Sở. Chỉ cần một hơi thổi là anh kịp thời gian mang trống về cho cha cô gái mà anh muốn cưới về làm vợ. Con trăn trong truyện *Y Rít và Hơ Bia* (dân tộc Êđê) giúp Y Rít có được sợi dây mây dài để rào xung quanh làng theo lệnh nhà vua. Long Vương thủy cung cũng xuất hiện trong truyện cổ tích Phú Yên như truyện *Ông dài ông cụt*. Thần Núi ra tay cứu giúp dân qua cơn bão biển khủng khiếp (truyện *Huyền thoại Làng Phú Quý*).

Ông bụt, ông tiên là biểu tượng cho sức mạnh phi thường, năng lực kỳ diệu. Tiên và bụt ở một số truyện thường xuất hiện là một ông già trong tay luôn chống gậy trúc, đầu tóc bạc phơ, râu dài chấm ngực và thường hỏi “làm sao con khóc?” - “làm sao mà cháu lại đến đây khóc lóc thế này” (Hoàng Quyết 2012: 75). Ông bụt và ông tiên là biểu tượng cho khát khao biến hóa của con người. Ông bụt thường báo tin cho con người trong những giấc chiêm bao. Ông tiên thường hay xuất hiện trong giấc mộng, trong những lúc khốn cùng của những người nghèo khổ có tấm lòng chung thủy, trung thực và ngay thẳng. “Nàng mệt quá, ngủ thiếp đi một lúc. Nàng mơ thấy một ông tiên râu tóc bạc phơ, tay cầm gậy trúc, đến gần sáng bảo rằng: Con chớ vội khóc. Chồng con vẫn còn sống. Chàng đã đánh thắng quân giặc. Hiện đang được nhà vua phong chức cao quyền trọng và ban thưởng nhiều vàng bạc. Nay mai chồng con sẽ về đón con và đón cha mẹ vào kinh... Đêm hôm ấy, chàng trần trọc suốt đêm. Sau một thời gian chinh chiến xa xôi, nay mới có chút thư nhàn, chàng nhớ tới vợ và cha mẹ ở nhà. Đến gần sáng, chàng mơ màng thấy một ông cụ đầu tóc bạc phơ râu dài chấm ngực, tay cầm chiếc gậy trúc đến gần chàng, bảo rằng: Ở nhà có biến cố! Con phải thu xếp về ngay. Nói xong cụ biến mất” (Đỗ Ngọc Quý 2016: 135-136).

Nàng tiên là người xinh đẹp, trẻ trung, vừa đẹp người lại vừa đẹp nét. “Nàng rất xinh đẹp và tâm hồn của nàng cũng dịu hiền trong trắng như ánh trăng rằm. Nàng vừa đẹp người lại vừa tính tình điềm đạm” (Quán Vi Miên, Lò Văn Lã 2016: 189). Các nàng đều chăm làm, chăm học. Nàng nào cũng giỏi nghề đan lát, khéo việc thêu thùa, hay nghề vá may, hơn người về việc nấu nướng (các

nàng tiên trong truyện *Nàng tiên rừng Thạch Bàn*). “Ở nhà, bông hoa biến thành một cô gái nhan sắc tuyệt vời. Nàng quét dọn nhà cửa, đặt lại chiêng, ché, chén, nồi, rồi hóa phép cho nhà Y Rít được nhiều lúa gạo và quần áo” (*Y Rít và con chó bảy đuôi* (dân tộc Êđê) (Ngô Sao Kim 2001: 609)). Không chỉ xinh đẹp, các nàng tiên trong truyện cũng rất táo tợn, chịu thương, chịu khó. Trên vai nàng luôn gánh hai trục chi lớn từ phương Bắc vào Nam để cùng các chị dệt vải gấm hoa cho vua cha là Thượng đế dùng (Ngô Sao Kim 2001: 62). Các tiên nữ cũng theo lệnh Ngọc Hoàng thượng đế “bay xuống đắp lại sông núi, ngăn chặn nước biển cho dân có đất làm ăn sinh sống và cư trú ổn định” (Ngô Sao Kim 2001: 71). Qua việc khắc họa hình ảnh các nàng tiên trong truyện cổ đã cho ta thấy được nét đẹp tâm hồn và thể xác của người phụ nữ Việt Nam.

Trong lịch sử tiến hóa của mình, con người trước hết có nhu cầu cải tạo tự nhiên để tạo ra của cải vật chất, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của mình. Nhưng, do trình độ và khả năng cải tạo tự nhiên còn thấp kém, con người luôn cảm thấy yếu đuối, bất lực trước các hiện tượng tự nhiên, do đó họ đã gán cho tự nhiên những sức mạnh siêu nhiên, đó chính là cơ sở cho sự nảy sinh các hiện tượng thờ cúng (đặc biệt là thờ cúng nhiên thần).

2.1.2. Tín ngưỡng thờ thần không lồ qua những nhân vật mang biểu tượng về sức mạnh phi thường

Đó là những vị thần không lồ trên trời xuống giúp gánh núi đắp bờ ngăn nước mặn, lấn biển, mở rộng đất đai màu mỡ cho dân, như trong truyện *Núi Sầm và núi Ênh*, *Núi Sầm và núi Nhạn*... Hình ảnh ông không lồ ghé vai gánh hai trục chi của nàng tiên từ phương Bắc vào cùng các chị dệt vải

cho thấy sức mạnh phi thường của ông. “Không ngờ hai trục chi kia quá nặng mà người không lồ thì quá khỏe, tay chân ông lại thô kệch, cử chỉ không nhẹ nhàng, cho nên ông ta vừa nhắc gánh vọt đứng lên thì đòn gánh bỗng gãy làm đôi. Hai trục chi sút rơi bịch xuống đất và lăn ra xa, mỗi nơi một trục biến thành hai quả núi to, cao sừng sững ở giữa vùng đầm bãi (biển), khi đó chưa có tên gọi là núi gì (Ngô Sao Kim 2001: 62). Hình ảnh ông không lồ còn xuất hiện trong truyện *Sự tích những dấu vết ở Hòn Đá Chông*. Ông không lồ có công đào biển, đắp núi và có sức mạnh phi thường. Khi ông đối đầu với cá kinh ngoài biển khơi càng thấy sức mạnh của ông. “Đang thả câu, bỗng có con cá kinh cực to nuốt chửng lưỡi câu rồi quẫy đuôi ào ào lướt sóng dong thẳng ra khơi. Ông không lồ phải gắng hết sức dùng tay ghim sợi dây câu, tay kia bấu chặt vào tảng đá lớn... Con cá kinh càng vùng vẫy, lòng lộn điên cuồng làm cho sợi dây câu cọ siết xuống mặt đá tạo thành những rãnh lớn sâu hoắm” (Ngô Sao Kim 2001: 65). Ở truyện *Núi Sầm và núi Nhạn*, những vị thần không lồ còn xuống giúp các nàng tiên đắp lại sông núi, ngăn chặn nước biển cho dân có đất làm ăn sinh sống và cư trú ổn định. “Họ làm suốt ngày đêm, không quản chi cực nhọc. Những đôi gánh của thần không lồ có thể quây mỗi bên một quả núi to. Những vết chân lún xuống của thần không lồ đã biến thành những ao, bầu lớn như: bầu Súng (xã An Mỹ), bầu Hương, bầu Quay (xã Hòa Mỹ)... Những chỗ họ móc đất lên nay là những cái đầm sâu như: Đầm Ô Loan (huyện Tuy An), đầm Hào Sơn (xã Hòa Xuân)... Họ móc đất đá ngoài biển khơi và các nơi gánh về đắp thành những hòn núi cao: Núi Chóp Chài và những dãy núi ở huyện Tuy An, núi Miếu (xã Hòa

Quang), núi Bà, núi Dinh Ông (xã Hòa Định)” (Ngô Sao Kim 2001: 72).

Qua việc khắc họa hình ảnh người không lồ có sức mạnh phi thường thể hiện niềm tin vào đáng siêu nhiên và đề lý giải những hiện tượng sông, núi, ao, đầm, hồ, bãi. Trong suy nghĩ con người thời bấy giờ, khi khoa học chưa phát triển thì chỉ có những người không lồ mới có sức mạnh móc những “hòn đá” to bằng quả núi từ ngoài biển khơi hay đào sông, lấp bể. Những người không lồ hay những chàng trai có sức mạnh phi thường như đại diện cho sức mạnh của buôn làng luôn làm việc thiện. Chàng Cơ Đam Bung, Đam Bung Pha trong truyện *Đam Bung Pha* (Truyện dân tộc Êđê) là một chàng trai khỏe mạnh. Chàng ăn to, nói khỏe nên rất được nhiều cô gái yêu thương. Ngoài sức mạnh phi thường, các chàng trai còn có khả năng biến hóa. Vì muốn thử sức với Cơ Đam Bung, Đam Bung Pha đã hóa phép thành hòn đá, thành cây gỗ to để chặn đường chàng.

Với những văn hóa khác nhau, những quan niệm khác nhau là nền tảng tạo nên sự phong phú và đa dạng về nhân vật biểu tượng trong thế giới kỳ ảo. Nhân vật kỳ ảo được xem là nguồn sống bất tận của con người trong thế giới tâm linh. Biểu tượng nhân vật kỳ ảo mang đậm chất nhân sinh sâu sắc và nét văn hóa lớn.

2.1.3. Tin ngưỡng thờ vong hồn người chết qua những nhân vật mang biểu tượng cho cái ác

Ma thường đi với biểu tượng cái ác quý, gần với nó là biểu tượng ác ma. Nhưng quý trong truyện thông thường đều là những hình ảnh xấu còn ma thì có nhiều loại. Ma ác, ma hiền, ma cô đơn, ma đói, ma chết bờ chết bụi, ma nhỏ, ma lớn, ma đàn bà, ma

đàn ông, ma chết uất, ma chết trẻ... Có những nơi, người ta quan niệm ma và người vẫn có thể nói chuyện và sinh hoạt chung. Tại chợ Ma Liên, người và ma cùng đi chợ với nhau. Vợ của lý trưởng làng Ma Liên lúc sống cũng như khi chết bà vẫn đi chợ. Qua lời kể của ông chủ quán với lý trưởng ta thấy tại chợ đặc biệt này, ma và người vẫn có thể trao đổi mua bán. “Bà nhà ông lúc sống cũng như chết, ngày nào đi chợ bà cũng ghé vào quán tôi mua hàng” (Ngô Sao Kim 2001: 11). Quan niệm người xưa, người và ma vẫn có thể ăn ở được với nhau. Ma có khả năng biến được đủ muôn hình: người, cây, hồ, rắn... Trong một số truyện cổ, ma thường biến thành chàng trai hay biến thành cô gái để tìm tình yêu (truyện *Mối tình “Bó bua”* (Quán Vi Miên, Lò Văn Lả 2016: 357)). Hình ảnh con thuồng luồng cái đã hóa thành cô gái đẹp làm mê mẩn anh chàng mê hát nên say đắm đi theo cô. Khi ngủ với vợ anh mới phát hiện mình cưới nhầm vợ là thuồng luồng. “Trong thòng lọng chi gai, dưới ánh sáng mặt trời, cô hiện nguyên hình một con thuồng luồng cái” (Quán Vi Miên, Lò Văn Lả 2016: 366).

Quý trong văn học dân gian cũng là biểu tượng của cái ác. Quý có hai loại: quý thần và quý ma. Quý thần là vong hồn người chết, thần hộ mệnh hoặc đáng sợ, trung gian của thần bất tử và người trần đang sống nhưng rồi sẽ chết. Quý thần là những sinh linh tồn tại khắp nơi. Quý dữ thường tượng trưng cho sức mạnh hay gây rối, là trung tâm đêm tối, đối lập với ánh sáng. Quý chính là hiện thân của cái ác, là tượng trưng cho những điều khủng khiếp, xấu xa và tội tệt. Quý thường trú ngụ tại những nơi vắng vẻ, tăm tối, quạnh hiu hay trong rừng sâu. Quý thường hay rình bắt người ăn thịt. Mỗi loại quý sống khác nhau:

có quỷ chuyên đi bắt gái đẹp về làm vợ, có quỷ thì chuyên ăn thịt người. Quỷ Tung Bê trong truyện *Quỷ Tung Bê hung ác* là quỷ chuyên ăn thịt đàn ông, còn đàn bà thì nó đè xuống bú vào vú làm cho kiệt sức rồi mới ăn thịt. Nó còn muốn bú và ăn thịt con gái nhà vua - Hơ Bia xinh đẹp. Bên cạnh quỷ dữ thì lúc nào cũng có chàng trai thông minh, tài giỏi để trừ diệt cái ác. Trong *Sự tích chùa Vất Hông*, hình ảnh lũ quỷ dữ là “đầu chúng có bốn mặt, bốn mũi, bốn cái mồm, tám mắt, tám cái tai. Mỗi mồm có bốn cái răng nanh to bằng quả chuối tiêu trông thật dữ tợn” (Quán Vi Miên, Lò Văn Là 2016: 193). Quỷ đực dữ hơn quỷ cái. Quỷ đực khi đói thường săn bắt người về ăn thịt. Lũ quỷ rất hung ác. Chúng bắt được đàn bà hay con gái về cho cả đàn hiệp sau đó ăn thịt. Ngoài ma, quỷ thì *yêu tinh* cũng là biểu tượng của cái ác. Về hình dáng bên ngoài, yêu tinh thường có hình thù kỳ dị: “mụ già, lồm khộm, mặt dài ngoẵng, mũi diều hâu, răng to như cuốc bàn, mồm rộng như cửa hàng, mắt to bằng cái bát, đỏ lừ như hòn than cháy... Yêu tinh nhe răng cười sặc sụa, lưỡi thò từ cái đầu rộng ra dài đến hàng sải đỏ lòm như máu” (Lù Dín Siêng, Mạc Đình Dĩ, Châu Hồng Thủy, Lý A Sán 2018: 15-16). Nó có đôi mắt sắc sảo và dữ tợn. Nơi ở của yêu tinh bao giờ cũng là những nơi hang sâu hun hút, hang to, nơi ít người qua lại. Yêu tinh rất thích ăn thịt người, nhất là thịt trẻ em. “Mé Gia Din” (mụ yêu tinh) thường hay đi khắp nơi rình xem nơi nào vắng vẻ có trẻ em đi lang thang ban đêm hay không, nếu có là mụ túm cổ lôi vào bụi rậm ăn thịt ngay. Khi đi trên đường mụ thường hay lầm bầm một câu: *Kin nựa cần nựa cần trắng kin. Kin nựa cày nựa cày mí kin* (nghĩa là: Ăn thịt người, thịt người mới ăn. Ăn thịt gà, thịt gà không ăn (Đỗ Ngọc Quý sưu tầm, Trần Mạnh Tiến,

Nguyễn Thanh Trường chỉnh lý 2016: 266). Ma rất khoái thịt của trẻ em bởi vì yêu tinh cho rằng thịt trẻ em là rất ngon. “Vì Gi và Máy là hai trẻ khỏe mạnh béo tốt. Thịt trẻ em ngon lắm... Mụ ăn thịt Máy trước. Mụ nhai xương rau rầu” (Lê Trung Vũ 2018: 78). Yêu tinh thì không có tinh cảm như con người. Ngay cả chồng hay vợ nó đều có thể ăn thịt một cách ngon lành. “Ngay đêm ấy, tự nhiên yêu tinh bị chim chích mạnh vào nách, không ngủ được, biết là có chuyện chẳng lành sắp xảy ra, lập tức nó ăn thịt chồng. Yêu tinh ăn rất khỏe và nhanh” (Lê Trung Vũ 2018: 64).

Biểu tượng ma, quỷ, yêu tinh là biểu tượng của sự đan xen giữa thực và ảo, giữa cõi âm và cõi dương, giữa sự sống và cái chết, giữa quá khứ và hiện tại. Điều đó cũng đồng nghĩa với tín ngưỡng dân gian, đời sống tâm linh của con người. Biểu tượng ma thể hiện khát vọng được sống tiếp sau khi đã chết của con người. Con người sau khi chết được luân hồi (theo quan niệm Phật giáo). Trong Công giáo thì quan niệm cuộc sống trên trần gian này chỉ tạm bợ, khi chết đi, thiên đàng mới là nơi vĩnh hằng. Phật giáo hay Công giáo cùng với tín ngưỡng dân gian đã tạo nên sự tái sinh một lần nữa đối với con người. Tái tạo sự sống cũng chính là điều mà con người muốn gửi gắm: con người hãy tránh xa cái ác và luôn làm việc thiện, gieo nhân tốt để gặt quả tốt.

2.2. Tín ngưỡng thờ vật tổ qua các nhân vật totem

Totem (hay vật tổ) là một trong những hình thức tôn giáo, tín ngưỡng sơ khai nhất của loài người, con người tin tưởng ở mối quan hệ huyết thống siêu nhiên giữa những người trong một tập thể (thị tộc, bộ lạc...) với một loài động vật, thực vật hoặc một đối tượng nào đấy, biến thành totem (biểu tượng

để thờ cúng, suy tụng) của thị tộc, bộ lạc. Những khái niệm truyền thống thường gắn với tín ngưỡng vật tổ như tin vào khả năng linh hồn tổ tiên sẽ nhập vào một thành viên mới sinh trong gia đình hoặc trong bộ lạc. Totem có những luật tục riêng và những điều cấm kỵ cũng như sự trừng phạt nghiêm khắc đối với những cá nhân hay bộ tộc phạm phải. Người ta còn tin rằng khi phá hủy hay làm hỏng vật thờ tổ sẽ dẫn đến cái chết của nhiều người đang sống (như không dám phá cây thánh giá ở một ngôi nhà thờ cũ cần được xây dựng lại, không giẫm hủy tượng Phật đã bị mối mọt hay hư hại). Việc thờ totem còn liên quan đến việc tin vào thuyết luân hồi. Con người chết đi có thể biến thành con vật hoặc con vật có bộ mặt người.

Có rất nhiều quan điểm khác nhau khi bàn về totem từ các nhà khoa học trên thế giới. Theo Frazer (2016), trong cuốn *Totemism and Exogamy: A Treatise on Certain Early Forms of Superstition and Society* có ghi: Totem là một đối tượng vật chất mà người hoang dã bày tỏ lòng tôn kính mê tín. Bởi vì, họ cho rằng có một mối liên hệ đặc biệt giữa người và vật tổ. Totem bao giờ cũng là đại diện cho một loại, động vật hay thực vật hiếm hơn là một dạng tĩn vật hay những đồ vật do con người chế tạo ra. Những cây, những loại vật thuộc totem thì con người không được động đến.

Ở giai đoạn nhận thức còn hoang sơ, con người biết ơn những đáng siêu nhiên và những con vật, thực vật, đồ vật đã cứu giúp họ trong những lúc gặp nạn, giúp họ được sống bình an và ấm no. Từ sự biết ơn, các thị tộc đã suy tôn những con vật, thực vật hay đồ vật thành totem. Bên cạnh nhiều ý niệm về totem liên quan đến con vật, thực vật và đồ vật thể hiện mối quan hệ huyết thống của con người với tự nhiên thì mối

quan hệ giữa con người với con người cũng đầy phức tạp theo tính chất xã hội vốn có của nó mà W. H. R. Rivers (2015) trong tác phẩm *The History of Melanesian Society* của mình cho rằng: Đạo thờ Vật tổ như là một thứ tôn giáo được kết cấu từ ba thành tố là: yếu tố xã hội, yếu tố tâm lý và yếu tố lễ nghi.

2.2.1. Tín ngưỡng totem ở Việt Nam

Ở Việt Nam, từ huyền thoại đến đời sống thực tiễn ngày nay, sự có mặt của Totemism rất phổ biến. Đó là những huyền thoại về nguồn gốc tộc người. Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, cùng với sự du nhập nền học thuật phương Tây, lý thuyết về totem được đưa vào Việt Nam có tên gọi Thuyết vật tổ, Đạo vật tổ, Totem giáo, thu hút mạnh mẽ các nhà nghiên cứu. Mặc dù ở phương Tây, họ đã kết thúc trào lưu nghiên cứu totem qua tác phẩm *Định chế totem hiện nay* của Levi-Strauss (2016). Thế nhưng đối với người Việt, với nhu cầu mong muốn tìm về tổ tiên, tìm về cội nguồn, khẳng định nền văn hiến lâu đời của mình và cả chính trị, cũng như khẳng định chủ quyền Việt Nam thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, Totemism được phục sinh mạnh mẽ. Các ngành khảo cổ học, dân tộc học, sử học, văn học từng bàn nhiều đến thuyết Vật tổ. Hình ảnh chim lạc được chạm khắc trên trống đồng Đông Sơn có liên quan tới quan niệm cho rằng chim lạc là vật tổ của dân Việt thời Hùng Vương. Có thể nói, trong lịch sử văn hóa nguyên thủy, tín ngưỡng sớm nhất của nước ta là thờ vật tổ. Thời Hùng Vương, vật tổ là chim và rồng. Người Việt cổ đại đã chọn con chim vốn là totem của một bộ phận cư dân miền núi làm totem của mình mà về sau phát triển thành bộ lạc Văn Lang. Người Việt còn có các vật tổ là con rồng gắn với truyền thuyết *Lạc Long Quân và Âu Cơ*. Ngoài con vật, người Việt còn có

vật tổ là totem cây như: cây chu đồng, rau dớn; con giao long, con cá sấu, con hươu... Như vậy, thuyết Vật tổ ở Việt Nam có thể xem là một tôn giáo nguyên thủy.

2.2.2. Tín ngưỡng totem qua một số truyện cổ của các dân tộc thiểu số Việt Nam

Khảo sát nhiều truyện cổ Việt Nam, chúng tôi thấy totem rất đa dạng và phức tạp. Mặc dù có một số motif trùng lặp về nguồn gốc ra đời của tộc người nhưng mỗi tộc người lại có vật tổ riêng của mình. Vật tổ có thể là các loài động vật, các loài thực vật hoặc là các đồ vật. Trong xã hội còn chưa phát triển về khoa học, nhận thức con người vẫn còn hạn hẹp, thiên nhiên luôn là nỗi lo lắng của họ. Trước sức mạnh của thiên nhiên và sự sinh tồn, con người rất biết ơn và tôn sùng những con vật, đồ vật, thực vật hay các đấng siêu nhiên đã giúp đỡ và che chở cho họ được bình an và sung túc. Họ suy tôn, sùng bái và đặt niềm tin tuyệt đối vào chúng. Từ đời này qua đời khác, niềm tin vào những vật tổ ấy được người của các thế hệ trước truyền lại cho thế hệ sau, gửi gắm qua những câu chuyện được cả cộng đồng chia sẻ. Các thế hệ cùng chia sẻ niềm tin rằng họ có mối quan hệ huyết thống với động vật, thực vật, đồ vật hoặc đối tượng nào đó được coi là totem.

Vật tổ là các loài động vật

Totem giáo hay vật tổ giáo tin rằng mỗi con người hay mỗi nhóm người (như thị tộc, bộ lạc) có một mối liên hệ hoặc kết nối tâm linh với vật thể khác như cây cối hoặc động vật, thường được gọi là “vật thể tinh thần” hay “Totem”. Totem hay vật tổ được cho là có tương tác với cá nhân, tập thể và đóng vai trò là biểu tượng hay biểu trưng của họ. Đây là một tập tục có từ thời kỳ các thị tộc - thời kỳ mà nhận thức con người

còn hoang sơ, con người vẫn còn khiếp sợ sức mạnh của tự nhiên. Bởi vậy, nhiều thị tộc, bộ lạc lấy một con vật nào đó coi là vật tổ của mình. Theo nghiên cứu của các nhà dân tộc học, có một số bộ lạc lấy chim, dâu, rồng làm vật tổ như: Bộ lạc Chim ở xứ Đoài, bộ lạc Dâu ở xứ Bắc. Chếch một chút, vùng Yên Phong hay Long Biên là quê hương của bộ lạc lấy con rồng/giao long làm vật tổ. Cư dân các tộc này cùng đến khai phá vùng đất mới hội tụ nên dấu vết họ để lại khá rõ trong các hình tượng của truyền thuyết và cổ tích Hưng Yên. Người Pà Thên rất tôn sùng chó và mèo. Vì chó và mèo có công lấy giống lúa về cho con người sau đại nạn hồng thủy. Hàng năm, vào Tết tháng 10 âm lịch, sau khi các gia đình thắp hương bàn thờ mời tổ tiên, gia đình hạ lễ xuống cho mèo và chó ăn trước rồi gia đình mới được ăn cơm mới. Hai con vật này được người Pà Thên không ăn thịt, không đặt lên bàn thờ, không đánh chửi. Họ nuôi hai con vật này và rất tôn sùng chúng. Họ Phù Dê (người Pà Thên) thì kiêng ăn thịt dê, không nuôi dê, không đánh đập dê. Dê vào vườn phá hoại cũng không được ném đá. Ai ăn thịt dê thì sẽ bị điên, ốm và chết vì tổ tiên của họ được con dê mẹ nuôi lớn. Họ Du người Mnông kiêng ăn thịt nai và kiêng ăn thịt trăn. Người Mnông còn xem gà rừng là vật tổ của mình. Họ xem gà rừng cùng dòng họ với mình. Họ không bao giờ ăn trứng gà rừng, không bắt gà rừng làm thịt. Con cháu đời sau cũng không bao giờ ăn gà rừng. Nguyên nhân là gà rừng đã cứu hai chị em Brah và Yah thoát được đoàn người có ý định bắt họ khi biết anh em Yung và Yã đi thăm bon xa. Ngoài ra, con cá cũng được người dân ở đây yêu quý vì cá luôn giúp đỡ họ khi gặp khó khăn.

Vật tổ là các loài thực vật

Bên cạnh việc coi một số loài động vật là vật tổ, một số tộc người còn tôn thờ các loài thực vật. Totem cây là một loại cây mọc. Trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước* của dân tộc Mường, cây chu đồng được coi là vật tổ. Cây chu đồng là totem cây. Cây được coi như con người. Sử thi nói rằng, lúc đầu người Mường dựng nhà bằng loại thảo (cỏ). Sau nhờ rùa vàng mách bảo, họ làm nhà theo hình rùa, nghĩa là làm nhà sàn bằng loài mộc nên vững chắc hơn. Muốn làm nhà sàn, phải có gỗ cây to, nhất là để dựng cột gốc, cột cái. Nhờ đàn kiến bày cho, nhà lang biết có cây chu đồng là nguồn gốc của giàu có. Hình tượng cây chu đồng đánh dấu sự ra đời của kim loại, sự xuất hiện giai cấp và cùng với nó là những bi kịch xã hội. Cây chu đồng đã giúp con người có vật liệu để dựng nhà ở nhưng nếu phạm vào điều kỵ thì sẽ bị trừng phạt. Cây chu đồng có hồn. Hồn cư ngụ trong cây.

Dân tộc Bahnar thì lấy cây gạo làm vật tổ của mình. Khi mới dựng nhà, người Bahnar thường phải cúng một lần thật to, với nghi thức phức tạp, trong đó nghi thức đâm trâu và trồng cây gạo là trung tâm của lễ. Trong *Sự tích các dân tộc*, yang bắt buộc hai chị em ruột phải lấy nhau để loài người được sinh tồn. Người Bahnar cũng sớm nhận thức được việc loạn luân là không được phép, trời sẽ phạt. Nhưng được yang đồng ý, O và Mai trở thành vợ chồng và những đứa con lần lượt ra đời. Mai và O đặt tên các con là Bahnar, Xodăng, Hrê, Mnông, Kinh, Chăm...

Họ Sin bé (người Pà Thên) thì phải kiêng ăn lá bí. Họ không sờ vào dây bí, không cho dây bí vào nhà. Nếu vi phạm thì sẽ bị đau mắt, thôi tay, bị ốm và chết. Họ

Hùng (người Pà Thên) cũng kiêng ăn rau bí từ tháng Giêng cho tới tháng Sáu âm lịch. Họ Tái (người Pà Thên) kiêng vào ngày Tết ăn mừng ngô mới (tháng Sáu âm lịch), lúc họ đi trên đường lấy ngô, lúa mới về ăn thì kiêng có ai hỏi. Nếu ai hỏi thì họ sẽ vứt đi. Họ cho rằng nếu ăn thì sẽ bị ốm.

Còn trong truyện cổ dân tộc Mường cho thấy, người Mường rất biết ơn cây si. Bởi vì, sau khi trời hạn, mưa xuống, trong vũ trụ mọc ra một cây si um tùm, những con sâu hóc sâu hà đục cây làm cho cây si bị ngã. Mỗi cành si rơi xuống tạo ra một mường, có 1919 cành sinh ra 1919 mường. Cũng từ cây si sinh ra mụ Dạ Dần, mụ sinh ra hai con kết duyên với hai nàng tiên đẻ ra mười con, con út là trống chim Tùng, mái chim Tót, đẻ ra trứng chiêng, trứng nở thành người.

Vật tổ là các đồ vật

Ngoài mối quan hệ mật thiết giữa con người với con vật và thực vật thì các đồ vật cũng được người Mnông, người Pà Thên, người Chăm chọn làm totem cho mình. Người Mnông xem hai hòn đá ở suối Rich Si và đá Ngơ là đá thiêng nên dặn con cháu không được chặt cây, làm rẫy gần hai hòn đá ấy. Đá đó họ gọi là Đá Ngóng. Người Chăm thì lại thường hay đeo chì trong người. Vì theo quan niệm của họ, chì như chiếc bùa hộ mệnh. Chức sắc và thầy phù thủy khi hành lễ đeo dây đai bằng vải màu đỏ ở lưng. Người Chăm gọi dây này là Brahthuni (đai may bằng vải đỏ bên trong có chì, gừng, sáp ong, được làm lễ, niệm thần chú (Troksusan). Còn họ Phù to (người Pà Thên) thì lại kiêng các vật dụng có bánh quay (bánh xe). Vì sợ hồn bà cụ xưa kia chết khi bà bị con nước người Tày cuốn tóc và bị chết về bắt hồn người sống (Đặng Thị Quang 2014).

Như vậy, totem với con người ở trong mối quan hệ bình đẳng. Con người sợ hãi totem ở xã hội thị tộc. Totem trở thành đối tượng suy tôn và được thờ cúng của con người. Người ta sợ totem làm hại đến mức không dám vào rừng sâu nơi có nhiều cây cỏ thụ một mình, đặc biệt là ban đêm. Họ gửi gắm tinh thần của mình vào các loài vật, cỏ cây, hiện tượng thiên nhiên mà họ cho là có quan hệ tâm linh, là vật tổ, có quan hệ huyết thống với mình. Tín ngưỡng totem đã phản ánh rõ nét đời sống tâm linh người Việt ở một thời kỳ trong quá khứ. Mặc dù thuyết vật tổ xuất hiện từ xa xưa nhưng âm hưởng của nó vẫn còn đến hôm nay và được thể hiện qua những phong tục, lễ hội của các buôn làng miền núi, cũng như các làng quê Việt Nam.

2.3. Tín ngưỡng thờ thành hoàng làng và các anh hùng dân tộc

2.3.1. Tín ngưỡng thờ thành hoàng làng

Thành hoàng làng là nhân vật trung tâm của mọi sinh hoạt văn hóa mà các làng quê cũng như nhà nghiên cứu gọi là các lễ hội. Đối với mỗi người dân, thành hoàng làng là chỗ dựa tinh thần, nơi gửi gắm niềm tin và giúp họ vượt qua những khó khăn của cuộc sống. Thành hoàng có thể là một thiên thần (do Trời sai xuống, thần Mây, thần Mưa hoặc do có công khai dân lập ấp, vốn là một anh hùng võ tướng có công, một viên quan xuất sắc), triều đình thường phong tặng làm các vị thành hoàng. Đại đa số thành hoàng thường được chép tiểu sử, công trạng trong các thần tích, thần phả. Có những vị thành hoàng không có sắc phong: thần ăn trộm, thần đa tình, thần ăn mày... Những nơi thờ các vị thần này thường có nhiều tập tục được thể hiện trong các dịp hội hè, tế lễ. Tín ngưỡng thờ thành hoàng làng là một loại hình tín ngưỡng có tự lâu đời, đã và đang

ảnh hưởng không nhỏ trong tâm thức người Việt đặc biệt là trong công cuộc xây dựng và phát huy những nét văn hóa truyền thống.

Tại xã Hòa Trị, nằm giữa cánh đồng, có ngọn núi Sầm và ở xã Hòa Quang có hòn núi Ẽnh, khoảng giữa của hai núi này là lăng mộ ông Lương Văn Chánh, một vị thành hoàng bốn xứ của tỉnh Phú Yên. Phù nghĩa hầu Lương Văn Chánh sau khi lãnh đạo dân binh khai hoang, lập ấp cả một vùng rộng lớn từ châu thổ sông Cái cho tới châu thổ sông Đà Rằng. Về già, Lương Văn Chánh lui về sống với con cháu và vui cảnh điền viên. Năm 1611, ông qua đời và được an táng tại ấp Phụng Nguyên, nay thuộc thôn Long Phụng xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa. Lương Văn Chánh là người đã có công khai khẩn, tạo dựng vùng đất Phú Yên hơn 400 năm về trước. Ông sinh vào khoảng thập niên bốn mươi của thế kỷ XVI tại Thanh Hóa, làm quan dưới thời Lê Trung Hưng, chức “Đô chỉ huy sứ”, tước “Phù Nghĩa hầu”. Năm 1578, Chúa Nguyễn Hoàng cử Lương Văn Chánh đem quân vào ổn định vùng đất từ đèo Cù Mông đến đèo Cả. Do lập công lớn, Lương Văn Chánh được đặc tiến “phụ quốc thượng tướng quân” và được giao điều hành huyện Tuy Viễn trấn An Biên. Trong sắc phong của vua Minh Mạng cho phù nghĩa hầu Lương Văn Chánh năm 1822 là Thượng đẳng thần¹. Thượng đẳng thần còn gọi là Thần đầu theo trong hệ thống phong thần dưới thời phong kiến, vua theo mệnh trời mà phong danh hiệu, thứ bậc cho những người có công lao với dân với nước. Cũng năm

¹ Thượng đẳng thần là các vị nhân thần khi sanh tiền có đại công lao với dân với nước, lúc mất đi hoặc bởi nhà vua tinh biểu công trạng mà lập đền thờ hoặc bởi lòng dân nhớ công đức mà thờ. Các bậc ấy đều có sự tích công trạng hiển hách và họ tên rõ ràng, lịch triều có mỹ tự bao phong làm Thượng đẳng thần.

1822, dưới thời vua Minh Mạng đã cho người xây dựng lại mộ và đền thờ của Lương Văn Chánh (được xây dựng vào những năm 30 của thế kỷ XVII) lớn hơn và cho người trông coi chăm sóc.

Những năm đầu thế kỷ XVII, vùng đất này trở nên trù phú, xóm làng đông đúc. Đây là cơ sở để chúa Nguyễn Hoàng thành lập phủ Phú Yên vào năm 1611. Cũng năm 1611, Phú Yên đã chính thức có tên với đơn vị hành chính ban đầu là cấp phủ, gồm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa. Miếu thần đầu được xây vào năm 1823 để bày tỏ sự kính trọng, tri ân đối với danh nhân này. Ngoài ra, tại Phú Yên, miếu thờ Thần đầu Lương Văn Chánh lớn nhất được xây dựng dưới chân Giồng Trắc thuộc thôn Phú Lương, xã Tây An Phú, Tuy An (nay thuộc thành phố Tuy Hòa). Kỳ công khai hóa của ông luôn được hậu thế tôn vinh, ghi tạc công danh, biểu hiện lòng tôn kính ấy bằng việc nhân dân cả tỉnh Phú Yên truyền tụng nhớ ơn, lập đền thờ. Ngoài đền thờ và lăng tẩm Lương Văn Chánh tại thôn Long Phụng xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa, khắp nơi trong tỉnh nhân dân luôn tôn ông là vị thành hoàng tỉnh Phú Yên, là anh hùng “Hộ quốc tì dân” (cứu quốc hộ dân) ở các đình và miếu. Đây là truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, ghi nhận và biết ơn công lao bậc tiền nhân khai biên, mở cõi cho hậu thế tiếp nối an lạc, cơ sở hình thành và phát huy đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Ngoài huyện Phú Hòa, nhân dân tỉnh Phú Yên, hằng năm dâng hương tưởng niệm ngày mất thành hoàng Lương Văn Chánh vào ngày 19 tháng 9. Ngày 19 tháng 9 năm 1611, thôn Long Phụng, xã Hòa Trị đã lập đền thờ ghi nhớ công ơn và suy tôn ông là Thành hoàng bản xứ. Từ năm 2009, toàn tỉnh Phú Yên tổ chức dâng hương tưởng

niệm ông vào ngày mùng 6 tháng 2 âm lịch hằng năm (ngày này ông được nhận Sắc lệnh của chúa Nguyễn Hoàng vào phía Nam để mở mang bờ cõi của nước Đại Việt (vùng đất biên viễn - Phú Yên ngày nay). Cùng với hoạt động dâng hương tưởng niệm, tỉnh Phú Yên còn tổ chức lễ rước xác tế cáo yết và rước linh vị từ mộ về đền thờ và nhiều hoạt động văn hóa như kéo co, múa lân, hát bài chòi, hát tuồng...

Tín ngưỡng thờ thành hoàng làng của người Việt góp phần tạo nên bản sắc văn hóa con người Việt Nam trong việc thể hiện ý thức về lòng biết ơn những người có công với làng xã, ý thức giữ gìn luật lệ, lễ lối gia phong của làng xã và ý thức đoàn kết, cố kết cộng đồng làng xã.

2.3.2. *Tín ngưỡng thờ các anh hùng dân tộc*

Anh hùng dân tộc là những người có công với làng xóm, đất nước. Thờ cúng các anh hùng dân tộc là truyền thống tốt đẹp, trở thành tín ngưỡng dân gian của người Việt, thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” của nhân dân ta. Nguồn gốc tâm linh người Việt tin vào việc tồn tại linh hồn người chết. Linh hồn trường tồn và còn tiếp tục lui tới với người sống, sẽ hòa mình vào tất cả các hoạt động để trợ giúp hay đối nghịch lại. Vì vậy, nếu thờ cúng chu đáo sẽ được phù hộ, che chở, nếu không sẽ bị trừng phạt. Trong phạm vi làng xã hay quốc gia, người dân tôn thờ những anh hùng dân tộc, là những người có công với làng xóm, đất nước. Hơn nữa, qua tín ngưỡng này cũng là để người Việt giáo dục con cháu noi gương các anh hùng, làm nhiều việc có ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Cùng với những biến cố, thăng trầm của lịch sử dựng nước và giữ nước, Việt Nam có rất nhiều danh nhân, anh

hùng dân tộc ở khắp nơi, trong đó, các anh hùng dân tộc được nhân dân tôn thờ như: Quốc Tổ Hùng Vương - 18 đời Vua Hùng trong họ Hồng Bàng; Hai Bà Trưng có công đánh đuổi Thái thú Tô Định và quân Đông Hán; Trần Hưng Đạo (Trần Quốc Tuấn) đã có công đánh đuổi giặc Nguyên - Mông; Lê Lợi đánh đuổi quân Minh giành độc lập cho dân tộc...

Trong truyện *Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi* (Hoàng Anh Nhân, Vương Anh, Bùi Thiện 2018: 39) cũng kể về công trạng của tướng Lê Lai được nhân dân tôn kính và lập đền thờ tại làng Tép, xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, cách Khu di tích Lam Kinh khoảng 6km về phía tây (xưa kia vùng đất này có tên gọi là thôn Dựng Tú, sách Đức Giang, phủ Thanh Hóa). Đền thờ Trung Túc Vương Lê Lai nằm trên sườn đồi, phía trước là hồ bán nguyệt thơm ngát hương sen, với vị trí đẹp mà theo thuyết phong thủy là đất tụ linh, tụ phúc, hồ châu, long tụ. Trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử nhưng ngôi đền vẫn giữ được nét đẹp riêng hiem có và đã được công nhận là Di tích lịch sử cấp Quốc gia. Đền thờ Lê Lai được Lê Lợi cho xây dựng ở làng Tép (quê hương Lê Lai) và lệnh cho quân thần sau này làm giỗ Lê Lai trước ngày giỗ của mình một ngày, từ đó dân gian có câu “hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi”.

Tháng 4 năm 1419 (Kỷ Hợi), tại núi Chí Linh, Lê Lợi cùng các nghĩa quân bị giặc Minh bao vây ráo riết. Lương thực thiếu thốn, thể trận mỗi ngày một khó khăn. Trong lúc ấy, chỉ có Lê Lai tình nguyện thay Lê Lợi chịu cho giặc bắt mới giải nguy được tình thế. Bọn giặc Minh đã đem những hình phạt cực kỳ tàn ác hành hạ ông đến chết. Giặc Minh vui mừng tưởng là đã bắt được chúa nên không bủa vây như trước. Nhờ vậy, Lê Lợi và nghĩa quân đã rút được

ra ngoài. Lê Lợi vạch gươm lên núi thề sẽ báo thù cho Lê Lai và nhớ ơn ông mãi mãi. Lê Lai chết ngày hai mươi mốt. Mười lăm năm sau, Lê Lợi lại mất vào ngày hai mươi hai. Từ đó, như đã thành thông lệ, hằng năm, cứ đến ngày hai mươi mốt và hai mươi hai tháng Tám âm lịch, lớp lớp cháu con lại tụ hội về đền thờ Trung Túc Vương Lê Lai và Khu di tích Lam Kinh để thấp nén nhang tưởng nhớ người anh hùng dân tộc Lê Lợi, đại công thần Lê Lai và các vị vua Lê đã có công giành lại độc lập, yên bình cho đất nước.

Việc thờ cúng anh hùng dân tộc thể hiện lòng tin của người Việt Nam vào linh hồn thuyết (sự sống là kết quả của một sự hợp nhất... giữa hồn và phách (vía)) và nhớ công ơn các vị. Đồng thời, thờ cúng các anh hùng là để tỏ lòng biết ơn các ngài mà còn thể hiện thành tâm cầu xin các ngài phù giúp dân làng hoặc xin các ngài tiếp tục góp công bảo vệ đất nước. Người Việt Nam thờ cúng các danh nhân, anh hùng chính là lòng cảm phục đức tính đặc biệt của các ngài và mong muốn noi gương các ngài. Họ là những người trần mắt thịt như tất cả chúng ta, chỉ khác một điều là các Ngài ấy đã sống một đời sống siêu phàm, trong sự cần lao cam khổ, trong sự phục vụ tích cực. Người dân Việt Nam, qua bao thế hệ, đã lập đền thờ các danh nhân, anh hùng ở khắp nơi. Đối với Hai Bà Trưng, dân lập đền thờ ở xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) và tại một đền thờ khác ở làng Đồng Nhân, nay đã dời về phố Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Bà Triệu có đền thờ trên núi Gai, thôn Phú Diễn, xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Anh hùng Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán có đền Ngô Vương tại nguyên quán ngài thuộc xã Đường Lâm, nay là thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Tại Hoa Lư,

Ninh Bình, có tượng và đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành. Tại làng Yên Lãng gần Cầu Giấy (Hà Nội), có tượng thờ vua Lý Thánh Tôn. Ở Đình Bảng, tỉnh Bắc Ninh có đền Lý Bát Đế thờ tám vị vua thời Lý. Anh hùng Lý Thường Kiệt đánh Tống bình Chiêm có hai đền thờ ở Thanh Hóa: đền Lý Thái Úy ở xã Ngọ Xá, huyện Vĩnh Lộc và đền Lý Thường Kiệt ở làng Hà Ngọc, huyện Hà Trung. Tại khu di tích An Sinh thuộc xã An Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh có đền thờ và lăng mộ của 7 vị vua nhà Trần. Tại xã Tứ Mặc, nay là xã Lộc Vương, ngoại thành Nam Định có đền Trần Đế Vương thờ mười hai vị vua nhà Trần. Đại anh hùng Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn có đền thờ ở Kiếp Bạc, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

3. Kết luận

Qua biểu tượng nhân vật kỳ ảo trong một số truyện cổ của các dân tộc thiểu số Việt Nam, văn hóa được khắc họa một cách rõ nét và đặc sắc. Tín ngưỡng thờ vòng đời, tín ngưỡng totem hay tín ngưỡng thờ thành hoàng làng và các anh hùng dân tộc đã phản ánh đời sống tinh thần phong phú, niềm tin về một thế giới vô hình. Đồng thời, tín ngưỡng dân gian cũng phản ánh nếp sống, phong tục, tập quán, thói quen, truyền thống, cách ứng xử của con người, lịch sử phát triển văn hóa của dân tộc. Vì vậy, việc giữ gìn và phát huy tín ngưỡng góp phần tích cực trong việc xây dựng con người, xây dựng văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Emile Durkheim (1968), *Những hình thái sơ đẳng của hoạt động tôn giáo hệ thống Totem giáo ở Châu Úc*, Quyển 2, Viện Dân tộc học xb, Hà Nội.

2. James George Frazer (2016), *Totemism and Exogamy: A Treatise on Certain Early Forms of Superstition and Society*, Wentworth Press.

3. Nguyễn Thị Bích Hà (2014), *Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hóa dân gian*, Nxb. Đại học sư phạm, Hà Nội.

4. Ngô Sao Kim (2001), *Truyện dân gian và truyện cổ Phú Yên*, Quyển 2, Hội Văn nghệ dân gian và Văn hóa các dân tộc tỉnh Phú Yên xb, Phú Yên.

5. Claude Lévi-Strauss (2016), *Định chế Totem hiện nay*, Nguyễn Tùng dịch, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

6. Trương Huyền Mai, Nguyễn Thị Bạch Cúc, Sừ Văn Ngọc, Trương Tôn chủ biên (2012), *Truyện cổ Chăm*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

7. Quán Vi Miên, Lò Văn Là sưu tầm, dịch, biên soạn (2016), *Truyện cổ Thái*, Tập 1, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

8. Hoàng Anh Nhân, Vương Anh, Bùi Thiện (2018), *Truyện cổ Mường*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

9. Đỗ Ngọc Quý sưu tầm, Trần Mạnh Tiến, Nguyễn Thanh Trường biên soạn, chỉnh lý, giới thiệu (2016), *Truyện cổ Chiêm Hóa*, Nxb. Sân khấu, Hà Nội.

10. Hoàng Quyết (2012), *Truyện cổ dân gian Việt Nam tuyển chọn*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

11. Lò Dín Siêng, Mạc Đình Dĩ, Châu Hồng Thủy, Lý A Sán (2018), *Truyện cổ Giấy, truyện cổ Mảng*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

12. Lê Trung Vũ (2018), *Truyện cổ Pu Péo*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.